

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/DS-ST
Ngày: 18/8/2017
V/v: Tranh chấp lối đi chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bé Lan Phương

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Luân Văn Lý

- Bà Nông Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2016/TLST-DS ngày 14/3/2016 về việc Tranh chấp lối đi chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Tập thể các hộ dân Tổ H, B, C, phường ĐT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn N - Sinh năm 1955

Địa chỉ: Tổ B, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng.

(Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 5 năm 2016). Có mặt

-Bị đơn: Bà Hoàng Thị T - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ MB, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2015 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/02/2016 cùng các bản tự khai tại Tòa án, ông Trần Văn N (Đại diện cho các hộ dân liên tổ H, B và C phường ĐT) trình bày: Con đường đi xuống khu vực NM bắt đầu từ đường Quốc lộ 3 dọc theo bờ suối đến cánh đồng dài 37 mét, là đường hành lang ven theo bờ suối đã có từ thời hợp tác xã. Từ trước tới nay các hộ dân có đất canh tác ở khu vực NM đều đi lại trên con đường này để đi làm ruộng. Năm 2014 gia đình bà T xây kè chắn đất bên bờ suối, làm thay đổi hiện trạng và mất con đường đi lại sản xuất nông nghiệp của các

hộ dân trong khu vực NM. Do vậy, các hộ dân chúng tôi đã làm đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân phường ĐT để xem xét giải quyết. Ngày 09/10/2014 Ủy ban nhân dân phường ĐT đã xuống thẩm định hiện trường xác minh vị trí ranh giới; qua thực tế đo đạc, tính toán và đi đến kết luận: Diện tích đất hộ bà T lấn ra bờ suối là 59m². Việc bà T xây kè đá lấn chiếm đường đi lại của các hộ dân có đất canh tác trong khu vực NM gây khó khăn và bức xúc cho các hộ dân. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân phường ĐT giải quyết, hòa giải nhưng các hộ dân không nhất trí.

Tại biên bản họp ngày 12/12/2015 và thủ tục ủy quyền của 12 hộ dân có đất sản xuất tại khu vực NM (Tổ H, B và C phường ĐT) thống nhất cử tôi đại diện cho các hộ dân đứng ra khởi kiện bà Hoàng Thị T về việc xây kè bờ suối lấn đường đi lại chung của bà con xuống cánh đồng Nà Mềm.

Nguồn gốc con đường hành lang bờ suối đã có từ thời xưa (Ông cha chúng tôi vẫn đi lại trên lối đi này), đến năm 2014 bà T đã tự ý xây kè đá giữ đất cạnh bờ suối làm thay đổi hiện trạng và làm mất con đường đi lại sản xuất nông nghiệp của các hộ dân tại tổ H, B và C phường ĐT. Nay tại tòa án, tôi thay mặt cho các hộ dân yêu cầu bà T hoàn trả nguyên trạng con đường theo biên bản đo đạc của Ủy ban nhân dân phường ĐT ngày 09/10/2014 để chúng tôi có con đường đi lại làm đồng thuận lợi.

Bị đơn bà Hoàng Thị T trình bày: Gia đình tôi có 3 đám ruộng tại cánh đồng NM do ông cha để lại nhưng không giáp phần đường quốc lộ. Vì ruộng nhà tôi ở phía sau ruộng ông N, tôi sợ ông N bán ruộng cho người khác thì gia đình tôi không có đường đi vào đám ruộng. Nên năm 1994 tôi có mua thêm 01 đám ruộng của nhà ông N có tứ cận tiếp giáp là: Phía Tây giáp ruộng ông I có chiều dài 15 mét, phía Nam giáp với đường quốc lộ 3(cũ) có chiều dài 30 mét từ đất ông I đến chân cầu, phía giáp suối dài 16 mét, phía sau giáp ruộng của gia đình tôi. Do đám ruộng nằm sát bờ suối, mỗi khi mưa mưa lũ, ruộng bị lũ quét sỏi đá tràn vào không cấy lúa được nên khi ông Nguyễn Xuân M đến đặt vấn đề thuê lại đám ruộng để trồng rau, gia đình tôi đã nhất trí để cho ông M thuê. Trong thời gian ông M trồng rau đã phá bờ ruộng giao nhau giữa đám to và đám nhỏ dồn thành 1 đám và lấy đất đắp sang phía bờ suối để khỏi bị lũ quét, đồng thời tạo thành đường đi cho các hộ dân có ruộng phía bên trong đi lại. Để giữ đất không bị sỏi lở và bị lấn chiếm nên tôi đã xây kè chắn sát bên suối. Trước khi tôi xây kè còn có bụi tre gia đình ông T trồng ở bờ ruộng tôi, sát bên suối, nên tôi có gọi gia đình ông T đến xem hiện trạng đất và xin chặt bụi tre để xây bờ kè. Khi tôi xây bờ kè cao khoảng 01 mét thì các hộ dân có ruộng phía sau ruộng nhà tôi đã làm đơn đề nghị phường can thiệp. Việc tôi xây kè chưa được cấp phép thì cơ quan chức năng thành phố đến lập biên bản xử phạt hành chính, còn việc lấn chiếm lối đi theo đơn kiện của các hộ dân tổ B phường ĐT là không đúng. Theo giấy tờ chuyển nhượng đất giữa gia đình tôi và gia đình ông N thì tôi vẫn sử dụng đúng trong phạm vi đất của gia đình mình, không có sự lấn chiếm. Hiện nay phần lối đi lại xuống ruộng NM vẫn được sử dụng để các hộ dân đi qua lại được nên tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của các hộ dân Tổ B phường ĐT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu quan điểm: Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, qua giám sát việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi nhận đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán và hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự cũng đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đề nghị hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 246 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Các hộ dân thuộc tổ H, B và C phường ĐT, thành phố CB thống nhất họp ngày 12/12/2015 gồm 15 hộ dân và có 12 hộ dân làm thủ tục ủy quyền tại Ủy ban nhân dân phường ĐT, thành phố CB ngày 31/5/2016 cử người đại diện là ông Trần Văn N, thay mặt cho 12 hộ dân có ruộng tại cánh đồng NM (Tổ 3 phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng) làm đơn yêu cầu khởi kiện bà Hoàng Thị T (Tổ MB, phường ĐT, thành phố CB) về việc lấn chiếm đất đường đi chung xuống cánh đồng NM. Căn cứ để các hộ dân khởi kiện đối với bà Hoàng Thị T là biên bản thẩm định của Ủy ban nhân dân phường ĐT ngày 09/10/2014.

Về nội dung vụ án: Gia đình bà Hoàng Thị T có đám ruộng tại NM thuộc Tổ B, phường ĐT, thành phố CB. Do giáp suối nên hàng năm khi nước lũ về gây xói mòn, lở đất không canh tác được nên bà T đã tiến hành việc xây kè đá chắn đất. Việc bà T xây dựng kè không làm thủ tục xin cấp phép với cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đã bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các hộ dân có đất ruộng canh tác trong cánh đồng NM cũng xác định việc bà T xây kè làm mất hiện trạng con đường đi lại chung của các hộ dân xuống cánh đồng nên đã có đơn kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân phường ĐT để xem xét giải quyết và yêu cầu bà T trả lại nguyên trạng con đường đi xuống cánh đồng NM. Quá trình giải quyết tại Ủy ban nhân dân phường ĐT, thành phố CB đã lập biên bản về việc thẩm định đơn giải quyết con đường xuống ruộng cho các hộ dân ngày 09/10/2014 như sau: “Theo sơ đồ địa chính phần giáp mặt đường quốc lộ 3 có chiều rộng là 23 mét. Thực tế hiện nay tính cả phần móng đá rộng 25,2 mét.

Phần đằng sau kè đá giáp ruộng của ông Đàm C (Tổ B, ĐT, thành phố CB) và ông Nông Văn T (Tổ H, ĐT, thành phố CB) lấn ra bờ suối 1 mét.

Phần diện tích đất mà hộ bà T lấn ra bờ suối là 59 mét”. Biên bản này có đại diện chính quyền phường ĐT và tổ trưởng dân phố, ông Hoàng Ngọc V đại diện cho các hộ dân, không có mặt của các hộ dân lấn chiếm đất bờ suối.

Ngày 12/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường ĐT đã tổ chức buổi hòa giải về việc giải quyết khiếu nại của công dân và đưa ra kết luận: Đề nghị bà

T để lại 01 mét để làm lối đi chung cho các hộ dân. Nếu bên nào không nhất trí thì tiếp tục làm đơn để cấp trên giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 27/11/2015 về việc thống nhất để lại đường đi xuống xứ đồng NM của Ủy ban nhân dân phường DT thành phố CB giữa các hộ dân tổ B và gia đình bà T đã thống nhất để lại 01 mét lề làm đường đi chung và đã được đại diện các hộ dân đồng ý. Tuy nhiên, sau đó các hộ dân lại có ý kiến thay đổi, yêu cầu mở đường rộng hơn để thuận tiện cho việc đi lại. Việc này bà T cũng nhất trí nhưng có đề nghị các hộ dân cùng nhau đóng góp tiền để cải tạo làm đường nhưng các hộ dân không đồng tình ủng hộ, nên đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân phường DT xem xét giải quyết nhưng không thành nên các hộ dân đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện: Các hộ dân có đơn khởi kiện đối với bà T, căn cứ vào biên bản về việc thẩm định đơn giải quyết con đường xuống ruộng cho các hộ dân ngày 09/10/2014 của Ủy ban nhân dân phường DT, thành phố CB. Ngoài ra không có tài liệu cũng như căn cứ nào khác. Để xem xét yêu cầu của các hộ dân cần căn cứ vào bản đồ địa chính của Ủy ban nhân dân phường DT về nguồn gốc con đường dân sinh đi xuống cánh đồng NM. Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2017 tại Ủy ban nhân dân phường DT thì trong bản đồ địa chính không có con đường đi qua bờ suối để xuống cánh đồng; Mặc khác theo giấy mua bán chuyển nhượng đất giữa gia đình bà T và ông Hoàng Quang N về diện tích đất mà bà T hiện nay đang quản lý sử dụng không có sự lấn chiếm. Theo các hộ dân trình bày có con đường đi xuống cánh đồng NM là đi ven bờ suối chứ không có con đường nào được thể hiện trong bản đồ địa chính từ trước cho đến nay. Trong quá trình giải quyết tại tòa án các hộ dân có đất canh tác tại cánh đồng NM yêu cầu bà T trả lại nguyên trạng lối đi xuống NM theo biên bản thẩm định của Ủy ban nhân dân phường DT ngày 09/10/2014, ngoài ra không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh con đường này là đường nội đồng đã được hình thành và tồn tại từ trước cho đến nay. Tuy nhiên, trong phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đưa ra ý kiến cùng nhau thỏa thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án trên cơ sở thương lượng thỏa thuận. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự thỏa thuận đó và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 246, Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 275 - Bộ luật dân sự năm 2005;

- Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

1. Giữ nguyên hiện trạng con đường đi xuống cánh đồng NM có diện tích và kích thước cụ thể: Từ đường quốc lộ 3 đến hết phần đất nhà bà Hoàng Thị T có chiều dài 36,2 mét (trong đó: đoạn 01 có chiều dài 19,5 mét, chiều rộng 01 mét; đoạn 02 có chiều dài 16,7 mét, chiều rộng 1,1 mét) có tứ cận tiếp giáp: Đông giáp bờ suối, Tây giáp đất bà T, Bắc giáp đất ông T (Bụi tre), Nam giáp đường quốc lộ 3 - theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/12/2016 do Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập để làm đường đi lại chung cho các hộ dân có đất canh tác trong khu vực NM.

Bà Hoàng Thị T có trách nhiệm cùng gia đình tháo dỡ biển quảng cáo đặt trên phần đất của lối đi xuống cánh đồng NM để đảm bảo việc đi lại của các hộ dân không bị ảnh hưởng. Đồng thời, xử lý khắc phục việc đặt ống nước xả thải của gia đình trên phần lối đi chung để đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm khi người dân đi qua lại.

2. Về án phí: Các hộ dân (12 hộ) liên tổ H, B và C phường ĐT, thành phố CB, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000268 ngày 09/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Về chi phí tố tụng: Các hộ dân (12 hộ) liên tổ H, B và C phường ĐT, thành phố CB, người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn N tự nguyện chịu tiền chi phí tố tụng là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng (Thẩm định tại chỗ) là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay ông Trần Văn N là người đại diện theo ủy quyền của 12 hộ dân được nhận lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên bản giao nhận tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bế Lan Phương